

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 07/8/2018  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Phượng
- Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Huỳnh Văn Thanh  
Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thảo Lan-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Truyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 20/7/2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đồng Kim T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh T (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đồng Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh B kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh T. Chị và anh B chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau về lối sống, thường xuyên cự cãi, anh B không có trách nhiệm với gia đình, chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Con chung: Có một cháu tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 28/10/2017, hiện do chị nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc

thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Thanh B vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản ý kiến về việc chị T xin ly hôn với anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh B, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu, tài sản chung, nợ chung chị T khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh B và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Chị Đồng Kim T và anh Nguyễn Thanh B kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 24/4/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh B chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T khai do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, thường xuyên cự cãi, anh B không có trách nhiệm với gia đình. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh B thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn với anh. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 08/02/2018, bà Nguyễn Thị Bi, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã Cẩm Sơn cho biết, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B cờ bạc, dẫn đến thiếu nợ và không quan tâm đến vợ con, điều này chứng tỏ anh B không yêu thương, quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không hàn gắn được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Con chung: Có một cháu tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 28/10/2017, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly thân chị T là người trực tiếp nuôi cháu T ổn định đến nay, theo biên bản xác minh ngày 08/02/2018 của Tòa án thì hiện tại cháu T vẫn được chị T chăm sóc tốt và phát triển khỏe mạnh, hơn nữa cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc của mẹ nên việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cho cháu. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đồng Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Chị T và anh B được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đồng Kim T.

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 28/10/2017, cho chị Đồng Kim T trực tiếp nuôi.

2. Án phí: Chị Đồng Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15214 ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như chị Đồng Kim T thi hành xong án phí.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Phụng**